

# KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỀ LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM VÙNG NGOẠI THÀNH DO TÁC ĐỘNG ĐÔ THỊ HÓA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Văn Sán<sup>1</sup>

## ABSTRACT

*Urbanization is a process of effecting to a social life such as economic growth, but labor force, jobless, and migration from the rural to the city that would be occur, particular rapidly in the sub-urban. Therefore, the study of labor capacity to adapt to the process of urbanization in the sub-urban area of the Can tho City was carried out. Methods of KIP (key important pernel) interview and individual interview of household's labor transference were applied to collection information of 140 households. The descriptive statistics and cross-table methods were used for the data analysis.*

*Results showed that labors of agricultural sector have moved to other economic areas were slowly due to low education level, and unskills of labor. These made problems of not adaptive the economic growth by the process of the city urbanization. This will make a big problem of a unsustainable city urbanization by big gap of income between city and urban and jobless of the sub-urban, not only now, but also in the future.*

*By results above, for better labore transference of the sub-urban area, the city government's policies should focus on as following issues: (1) need assessment of labor demand for economic growth by city urbanization process should be a priority planning (2) by the labor demands, set up short and long-term training programs should be followed the planning, (3) socialization of education and enhance of labor skills with participation of local government, enterprises, farm households, and mass organization all of those should be implemented regularly.*

**Keywords:** *urbanization, transition of labor and job creation in the sub-urban area*

**Title:** *Adaptation's capacity of labore sources to jobs' requirements of the sub-urban by impacting can tho's urbanization*

## TÓM TẮT

*Vấn đề đô thị hóa có ảnh hưởng và tác động nhất định đến nhiều mặt của cuộc sống như phát triển kinh tế, áp lực giải quyết lao động và việc làm, và di dân từ nông thôn ra thành thị, đặc biệt là vùng ngoại thành rất là nhanh chóng. Vì thế nghiên cứu về khả năng thích ứng về lao động và việc làm vùng ngoại thành TPCT do tiến trình đô thị hóa được thực hiện. Phương pháp KIP (phỏng vấn người am hiểu) và điều tra ngẫu nhiên 140 mẫu có thành viên tham gia chuyển dịch lao động trong tiến trình đô thị hóa được tiến hành. Thống kê mô tả và phân tích bảng chéo được áp dụng để phân tích số liệu điều tra.*

*Kết quả cho thấy rằng lao động chuyển dịch từ nông nghiệp (khu vực I) sang phi nông nghiệp của các khu vực kinh tế khác chậm do trình độ học vấn và trình độ tay nghề thấp. Do vậy chuyển dịch lao động không đáp ứng được tốc độ chuyển dịch kinh tế trong tiến trình đô thị hóa. Điều này sẽ dẫn đến thất nghiệp và phân hóa giàu nghèo gia tăng trong vùng ven TPCT không phải cho hiện tại mà cho cả tương lai.*

---

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long

*Từ kết quả nghiên cứu trên, để chuyển dịch lao động TPCT tốt hơn trong tương lai, chính sách của TPCT cần quan tâm như sau: (1) đánh giá nhu cầu lao động dựa vào phát triển kinh tế trong tiến trình đô thị hoá thì cần ưu tiên cho mọi kế hoạch phát triển và sử dụng lao động cho vùng ngoại thành, (2) từ câu về lao động, chương trình huấn luyện ngắn và dài hạn cho kế hoạch này cần tính toán kỹ lưỡng, (3) xã hội hóa công tác giáo dục và nâng cao kỹ năng lao động với sự tham gia của chính quyền địa phương, doanh nghiệp, nông hộ và đoàn thể thì rất cần thiết và mang tính liên tục.*

***Từ khóa: Đô thị hóa, chuyển dịch lao động và việc làm vùng ngoại thành***

## **1 ĐẶT VẤN ĐỀ**

Đầu năm 2004, tỉnh Cần Thơ được tách ra thành tỉnh Hậu Giang và thành phố Cần Thơ (TPCT) trực thuộc Trung Ương với diện tích 140.096 ha, dân số 1.127.765 người. Hiện nay TPCT có 4 quận (Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn) và 4 huyện (Phong Điền, Thốt Nốt, Cờ Đỏ và Vĩnh Thạnh). Các đô thị vừa và nhỏ, xưa và nay đua nhau hình thành và phát triển rất đa dạng và đã phát huy vai trò phát triển TPCT và khu vực về kinh tế. Tuy nhiên, đối với vùng ven TPCT tiến trình đô thị hóa có thể làm nảy sinh một số vấn đề như: chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và thành thị, một số hộ nông dân ra thành thị để tìm việc làm, nhưng do thiếu trình độ học vấn và không có tay nghề nên tìm việc làm khó khăn và thu nhập thấp. Ngoài ra, vấn đề thất nghiệp, sự nghèo túng đã tác động tiêu cực đến chất lượng cuộc sống ở cả đô thị và vùng ven đang xảy ra. Nghiên cứu sự dịch chuyển lao động tại chỗ cũng như sự tìm kiếm việc làm ở đô thị của một bộ phận người dân ở vùng ven thì cần thiết. Từ đó, đề xuất các giải pháp thích hợp nhằm huấn luyện lao động và sử dụng lao động hợp lý trong tiến trình đô thị hóa TPCT.

## **2 CHUYỂN DỊCH LAO ĐỘNG TPCT TRONG TIẾN TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA**

### **2.1 Chuyển dịch cơ cấu dân số từ nông nghiệp (NN) - phi nông nghiệp (PNN)**

Xét về cơ cấu dân số NN – PNN qua 5 năm cho thấy cơ cấu dân số NN - PNN có sự thay đổi chuyển từ nông nghiệp qua phi nông nghiệp ở năm 2004 nhưng không đáng kể. Cụ thể, cơ cấu dân số phi nông nghiệp - nông nghiệp năm 2000 là 65% - 35% và năm 2005 là 64% - 36%. Việc thay đổi này một phần là do tác động của việc tỉnh Cần Thơ trở thành Thành phố. Điều này nói lên rằng việc chuyển dân số hoạt động nông nghiệp sang công thương nghiệp rất chậm, Nông nghiệp và nông thôn vẫn còn giữ một vai trò đáng kể của TPCT.

Cơ cấu dân số đã có sự chuyển biến đáng kể từ nông thôn sang thành thị, nhưng cơ cấu dân số trong nông nghiệp vẫn còn chiếm phần lớn chưa có sự chuyển đổi mạnh từ nông nghiệp qua phi nông nghiệp. Điều này cho thấy việc trở thành thành phố trực thuộc Trung Ương là do thay đổi tên gọi của các đơn vị hành chính (từ huyện sang quận). Tuy mang tên là dân số thành thị, nhưng thực chất lao động nông nghiệp vẫn chiếm đa số.

### **2.2 Chuyển dịch lao động và việc làm vùng ngoại thành TPCT**

Việc chuyển dịch lao động và việc làm cho cư dân vùng ven TPCT có bốn vấn đề lớn được đưa ra thảo luận là (i) biến động nguồn thu nhập chính và tình trạng mua

bán đất của hộ vùng ven ; (ii) chuyển dịch cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế; (iii) đặc điểm lao động và việc làm của vùng ven TPCT; (iv) thuận lợi, khó khăn, và giải pháp giải quyết lao động và việc làm vùng ven TPCT trong tương lai.

2.2.1 Cơ cấu nguồn thu nhập chính của hộ theo khu vực kinh tế (2000-2005)

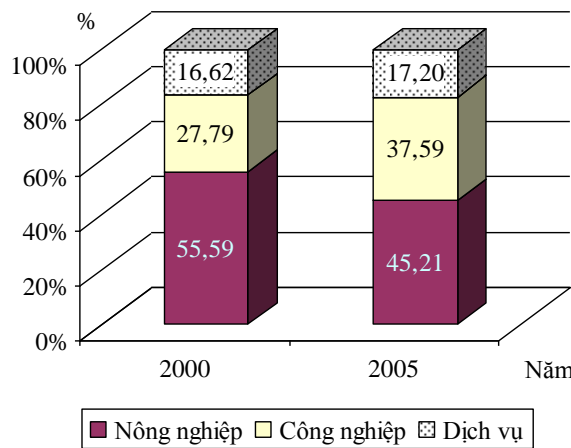
Cơ cấu nguồn thu nhập chính của hộ trong lĩnh vực nông nghiệp giảm từ 62,86% (2000) còn 45% (2005); trong khi đó nguồn thu nhập chính từ công nghiệp tăng từ 19,29% (năm 2000) đến 37,57% (năm 2005). Tuy vậy, nguồn thu nhập chính của lao động trong lĩnh vực dịch vụ có khuynh hướng giảm từ 15% (2000) xuống còn 12,14% (2005), giảm 2,8%. Ngoài ra nguồn thu từ các ngành khác (thu từ nước ngoài gửi về, có con gả Đài Loan...) tăng lên từ 2,86% năm 2000 lên 4,29% năm 2005.

Qua kết quả trên cho thấy tiến trình đô thị hóa có sự chuyển dịch kinh tế hộ từ khu vực I sang khu vực II và khu vực III, đã kéo theo thay đổi cơ cấu thu nhập chính của hộ chuyển dần từ nông nghiệp qua công nghiệp. Tuy nhiên trong khu vực III (dịch vụ), mặc dù số lượng lao động tăng, nhưng thu nhập chính ở khu vực này giảm.

2.2.2 Chuyển dịch cơ cấu lao động vùng ven giai đoạn 2000 - 2005

Để làm rõ nội dung “chuyển dịch cơ cấu lao động vùng ven TPCT giai đoạn 2000-2005”, các vấn đề liên quan đến lao động và việc làm được nghiên cứu sâu hơn bao gồm: (1) khảo sát sự thay đổi cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế; (2) tìm hiểu thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, (3) thay đổi cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn; và (4) thay đổi cơ cấu lao động theo ngành nghề; cuối cùng các lý do chính yếu dẫn đến nông hộ quyết định thay đổi ngành nghề cũng được đưa ra thảo luận.

+ Thay đổi cơ cấu lao động chia theo thành phần kinh tế



Hình 1: Thay đổi cơ cấu lao động trong 3 khu vực kinh tế, từ 2000 đến 2005

(Nguồn: Xử lý từ số liệu điều tra của tác giả, Viện NCPT ĐBSCL, 2006)

Trong quá trình đô thị hóa, diện tích đất nông nghiệp giảm và các khu công nghiệp được hình thành trên địa bàn của các quận ven TPCT đã thu hút và giải quyết được lao động dư thừa trong nông nghiệp góp phần thúc đẩy việc chuyển đổi cơ cấu

kinh tế và cơ cấu lao động theo định hướng của thành phố là chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

#### **+ Thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi**

Dân số chia theo nhóm tuổi là một yếu tố quan trọng để đánh giá sự thay đổi của lực lượng lao động và xác định khả năng cung lao động cho hiện tại và tương lai. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm tuổi 1-14 giảm từ 24,61% (năm 2000) xuống còn 16,67% (năm 2005), giảm 7,9%. Trong khi đó nhóm tuổi từ 45-59 tăng từ 3,7% (năm 2000) lên 15,5% (năm 2005), tăng khoảng 11,76%, và nhóm tuổi 25-29 tăng 3,1%. Riêng nhóm tuổi 30-44 giảm nhẹ (khoảng 0,84%) không đáng kể. Qua kết quả trên cho thấy cơ cấu dân số của vùng ven đang có xu hướng dịch chuyển theo hướng phát triển cơ cấu dân số già, đây là kết quả của quá trình giảm tỷ lệ sinh của dân số trên địa bàn trong những năm qua.

#### **+ Thay đổi cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn**

Lao động có tay nghề ngày càng tăng để thích nghi nhu cầu chất lượng lao động trong tiến trình đô thị hóa. Cụ thể: tỷ trọng người không có trình độ chuyên môn năm 2000 chiếm 73,35% và giảm còn 70,27% năm 2005 (giảm 3%), số người có trình độ sơ cấp hoặc công nhân kỹ thuật tăng lên khoảng 1,7%. Số người có trình độ trung cấp, tập huấn công nghiệp năm 2005 đều tăng khoảng 0,8-1% so với năm 2000, riêng trình độ đại học/cao đẳng và đào tạo không chính thức tăng rất ít khoảng 0,08%, và tập huấn nông nghiệp trong giai đoạn này cũng giảm (0,6%).

Qua kết quả cho thấy việc nâng cao trình độ chuyên môn của lao động tại vùng ven trong thời gian qua có bước phát triển nhưng không đáng kể. Vì vậy việc tăng cường đào tạo để nâng cao trình độ, nâng cao chất lượng lao động là việc hết sức cần thiết và cấp bách trong tương lai.

#### **+ Thay đổi cơ cấu lao động chia theo ngành nghề**

Sự thay đổi nghề nghiệp của lao động ở hai thời điểm năm 2000 và 2005, cho thấy có 2 ngành nghề có sự chuyển dịch rõ nét nhất là nông nghiệp, và công nhân trong công nghiệp và dịch vụ. Tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp giảm từ 55,59% (2000) xuống còn 45,21% (2005), giảm khoảng 10%, trong khi đó tỷ trọng công nhân tham gia vào các công ty, xí nghiệp tăng từ 23,50% (2000) lên 34,15% (2005), tăng khoảng 11%.

#### **+ Lý do thay đổi nghề nghiệp, nơi làm**

Có nhiều lý do thay đổi nghề nghiệp lao động vùng ven, nhưng nhìn chung sự thay đổi nghề nghiệp được chia thành hai nhóm: (1) nhóm tự thay đổi nghề nghiệp như việc làm mới có thu nhập cao hơn; gần nhà hơn; công việc mới “nhẹ” hơn. (2) nhóm bắt buộc người lao động phải thay đổi nghề nghiệp: Gia đình đơn chiếc khó khăn, có con nhỏ hoặc trong nhà có người bệnh; bản thân người lao động bị bệnh; công việc cũ không còn nữa.

### 3 ĐẶC ĐIỂM LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM VÙNG VEN TPCT

#### 3.1 Về cơ cấu lao động đang làm việc

Phần lớn lao động đang làm việc tại vùng ven tập trung vào nhóm tuổi trẻ 15-29 (chiếm 40%) và nhóm tuổi từ 30-44 (chiếm 31%), nhóm tuổi 45-60 chiếm 20% và nhóm tuổi trên độ tuổi lao động chiếm 8,9%. Qua đó một lần nữa xác định lao động tại vùng ven là lực lượng lao động trẻ là chủ yếu, đây là nguồn lực lao động tốt theo độ tuổi hiện tại của TPCT.

Hiện tại, lực lượng lao động trẻ chiếm tỷ lệ cao là cơ hội cung lao động tốt cho phát triển kinh tế. Tuy vậy, trong xu thế đô thị hoá, công nghiệp hoá, và chuyên môn hoá, nếu lực lượng lao động thiếu đào tạo chuyên môn và kỹ năng thì sẽ không thích ứng nổi tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế của TPCT.

#### 3.2 Chất lượng lao động

##### 3.2.1 Trình độ học vấn

Theo số liệu điều tra phần lớn dân số có trình độ học vấn ở cấp 2, chiếm khoảng 46%, cấp 1 chiếm khoảng 35 %, đạt cấp 3 là 15% và mù chữ là 4%. Nhìn chung, trình độ học vấn của lao động vùng ven còn thấp. Trình độ đạt ở cấp 3 chiếm tỷ trọng nhỏ, đây là rào cản rất lớn cho quá trình huấn luyện cũng như đào tạo nghề cho lao động.

##### 3.2.2 Trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT)

Một yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng lao động đó là trình độ CMKT thông qua đào tạo. Nhóm tuổi càng trẻ thì khoảng cách của cơ cấu này càng nhỏ, điều này cho thấy những năm gần đây trình độ CMKT của người lao động vùng ven có tăng lên nhưng mức độ vẫn chưa tăng nhanh, điều đó được thể hiện qua tỉ lệ lao động không có trình độ CMKT vẫn còn chiếm phần lớn (70%) trong cơ cấu.

#### 3.3 Thực trạng về việc làm

Thống kê về các dạng việc làm của dân số vùng ven cho thấy tỷ lệ nhóm người đang làm việc chiếm khoảng 61%, phần còn lại là nhóm phụ thuộc theo chiếm (39%). Để chi tiết hoá về lao động cho các ngành nghề khác nhau, thì việc xem xét trong nội bộ nhóm lao động đang làm việc chỉ ra rằng: lao động nông nghiệp chiếm đa số (45%), kế tiếp là công nhân (34%), còn lại các ngành nghề khác chiếm tỷ lệ tương đối thấp khoảng 5% trở lại, bao gồm các ngành nghề như: dịch vụ mua bán, làm thuê/mướn, thợ hồ, nhân viên nhà nước, các loại thợ (thợ may, thợ mộc, thợ điện tử), xe ôm.

Bên cạnh đó, thì nhóm người được xếp vào nhóm phụ thuộc cũng được khảo sát chi tiết. Qua đó ta thấy số người sống phụ thuộc chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm đang đi học (53%), kế đến là nội trợ khoảng 20%; trẻ em nhỏ hơn 6 tuổi (13%); già cả mất sức (11%) và thất nghiệp (3%). Nhìn chung nhóm phụ thuộc phần lớn là đang đi học đây là tín hiệu tốt cho việc phát triển chất lượng của lực lượng lao động trong tương lai. Tuy vậy, nhóm phụ thuộc còn cao, điều này các hộ vùng ven còn gặp nhiều khó khăn trong việc trang trải cuộc sống.

### 3.4 Về thu nhập

Thu nhập lao động có mức thấp từ 500.000 – 1.000.000 đồng/tháng, chiếm 44%; và trên 1 triệu – 1,5 triệu đồng/tháng là 30%. Trong khi đó số người có thu nhập > 2,5 triệu đồng/tháng chiếm tỷ lệ rất thấp (1,4% trở xuống). Điều này phù hợp với thực trạng lao động vùng ngoại thành TPCT với trình độ học vấn thấp, đa số lao động nông nghiệp hoặc lao động phổ thông, và thiếu chuyên môn sâu. Tỷ lệ nhóm phụ thuộc cao và mức thu nhập của những lao động trong gia đình thấp, trong xu thế đô thị hoá chi phí sinh hoạt ngày càng tăng. Điều này kéo theo cuộc sống của các hộ dân vùng ven càng gặp nhiều khó khăn hơn. Nhìn chung để khắc phục thì cần có giải pháp nâng cao kỹ năng lao động, việc làm và thu nhập ngay từ bây giờ.

## 4 THUẬN LỢI – KHÓ KHĂN - GIẢI PHÁP

### 4.1 Thuận lợi

Việc phát triển các khu công nghiệp trong thành phố đã giải quyết được số lượng lớn lao động ở vùng ven TPCT, tạo điều kiện thuận lợi góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và các lĩnh vực khác. Thuận lợi hiện nay của lao động vùng ven là: công việc ổn định; dễ làm, không đòi hỏi tay nghề; việc làm gần nhà qua đó đã mang lại cho họ thu nhập ổn định; quen với công việc; chi phí cho công việc thấp; quan hệ xã hội rộng hơn.

### 4.2 Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, lao động vùng ven cũng gặp các khó khăn, được tóm tắt như sau: nhà ở xa khu công nghiệp; đi lại khó khăn; chi phí tăng cao do phải thuê nhà ở, sống cách ly với gia đình và sinh hoạt phí cao; giá nông sản bấp bênh; nghề nghiệp và thu nhập không ổn; bệnh nghề nghiệp do làm việc trong môi trường độc hại, công việc nặng nhọc, thời gian làm việc thất thường do tăng ca, thiếu vốn, bán chịu nhiều như các dịch vụ - tạp hóa. Điều quan trọng là việc đào thải lao động phổ thông của các xí nghiệp khi trên 35 tuổi.

### 4.3 Thảo luận giải pháp

Qua kết quả trên một số giải pháp lớn cần nêu ra nhằm góp phần thúc đẩy chuyển dịch lao động theo hướng tích cực trong tiến trình đô thị hóa cho người dân ven TPCT như sau:

- *Rút lao động dư thừa trong nông thôn và tăng cường cơ giới hoá nông nghiệp:* Nhà nước cần đầu tư và kêu gọi thu hút đầu tư nhiều hơn nữa ở lĩnh vực công nghiệp nhằm thu hút một lực lượng lớn lao động nông nghiệp chuyển qua công nghiệp. Qua cách làm này sẽ tạo cơ hội tích tụ đất cho sản xuất nông nghiệp và cơ giới hóa nông thôn.
- *Giải quyết việc làm cho lao động thất nghiệp theo mùa vụ trong nông nghiệp.* Đây là loại hình chuyển dịch lao động tại chỗ mang tính chất thời vụ. Để làm tốt việc này thì cần phát triển các làng nghề truyền thống, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ đặc biệt là doanh nghiệp chế biến hàng hóa nông, thủy sản qua đó sẽ giải quyết việc làm tại chỗ đồng thời làm tăng giá trị hàng hóa nông sản, qua đó tăng thu nhập cho nông dân, và sẽ giảm áp lực di dân vào nội ô thành phố tìm việc.

- *Tập trung phát triển các mô hình nông nghiệp chất lượng cao thích hợp.* Đây là hình thức vừa giải quyết việc làm cho nhiều lao động vừa làm tăng thu nhập trong nông nghiệp. Vùng ven TPCT cần đa dạng hoá mô hình sản xuất trên một đơn vị diện tích, đặc biệt là mô hình kết hợp, đặc biệt mô hình kết hợp sử dụng nhiều lao động, vốn quay vòng nhanh, cho thu nhập cao và phù hợp với nhiều qui mô đất khác nhau tại vùng ven TPCT. Ngoài ra việc áp dụng khoa học kỹ thuật mới với qui trình công nghệ cao nhằm mang lại hiệu quả canh tác tốt trên đơn vị diện tích đất cũng là vấn đề đặt ra trong tương lai.
- *Đào tạo và huấn luyện.* Nhìn chung để thực hiện tốt các giải pháp trên thì công tác giáo dục và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho lao động là vấn đề không thể thiếu và đặc biệt là phải đào tạo như thế nào để người lao động có khả năng tìm được việc làm phù hợp, tránh tình trạng đào tạo mà không có việc làm hoặc làm công việc không phù hợp. Do vậy, một số giải pháp cho công tác đào tạo và tạo cơ hội việc làm cho người lao động ven đô TPCT cần tập trung các việc như sau:
  - + Đào tạo phải đáp ứng nhu cầu thực tế của các công ty tuyển dụng. Chính vì lẽ đó các đơn vị sử dụng lao động (công ty, xí nghiệp tuyển dụng) phải đứng ra phụ trách tổ chức, hoặc hợp đồng đào tạo tay nghề cho người lao động sau đó nhận về làm, hoặc nếu địa phương tổ chức đào tạo nghề thì phải có hợp đồng đầu ra cho các thanh niên được đào tạo.
  - + Cần đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, chất lượng giảng dạy và đào tạo nghề,... Qua đó nâng cao năng lực giảng dạy, từ đó nâng cao chất lượng lực lượng lao động thông qua đào tạo chuyên môn, kỹ năng lao động và tác phong công nghiệp và ý thức kỷ luật cho người lao động.
  - + Căn cứ vào việc phân loại theo nhóm ngành nghề, trình độ và kỹ năng lao động hiện nay.. để có kế hoạch, đầu tư về đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp dài hạn và ngắn hạn cho người lao động trong tiến trình đô thị hoá TPCT .
  - + Cần có sự hướng dẫn, hỗ trợ và giáo dục để người lao động nhận thức tốt hơn về vấn đề học nghề và việc làm, hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp III và các bậc cha mẹ về vấn đề học vấn của con em cũng như định hướng việc làm trong tương lai để giúp người lao động và gia đình có bước chuẩn bị tốt về lao động và việc làm cho con em mình trong tương lai.
  - + Thường xuyên mở các lớp huấn luyện nhằm nâng cao kỹ năng lao động hiện có cũng là cơ hội để giúp lao động vùng ven thích ứng điều kiện nhu cầu lao động mới.
- Cuối cùng, hỗ trợ vốn cho người lao động qua tín dụng với lãi suất thấp để phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn cũng rất cần thiết. Bên cạnh đó thể thức hợp đồng giữa người lao động và người sử dụng lao động cần chặt chẽ hơn để tránh thiệt thòi cho người lao động.

## 5 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 5.1 Kết luận

- Do tiến trình đô thị hoá, nông nghiệp trở nên có vai trò thứ yếu trong nền kinh tế của thành phố, trong khi đó công nghiệp và dịch vụ từng bước đóng góp quan trọng trong nền kinh tế. Với chủ trương chính sách, định hướng phát triển của TPCT theo hướng “Công nghiệp - Thương mại dịch vụ và Nông nghiệp công nghệ cao”. Tuy vậy việc chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ còn nhiều bất cập. Cụ thể lực lượng lao động chủ yếu là lao động phổ thông, thiếu đào tạo, trình độ học vấn thấp, lao động nông nghiệp còn chiếm đa số là vấn đề trở ngại cực kỳ quan trọng không những ảnh hưởng đến thu nhập lao động và hộ mà cho cả chiến lược phát triển và định hướng TPCT. Chính vì vậy, cần đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải kết hợp tương ứng với chuyển dịch lao động theo hướng công nghiệp - thương mại và dịch vụ.
- Yêu cầu đào tạo nâng cao chất lượng lực lượng lao động thông qua đào tạo chuyên môn, kỹ năng lao động và tác phong công nghiệp và ý thức kỷ luật cho người lao động thì rất cần cho tiến trình đô thị hoá trong tương lai.

### 5.2 Kiến nghị

- Kế hoạch phát triển kinh tế trong quá trình đô thị hoá cần song hành với kế hoạch phát triển lao động, kỹ cương và giáo dục.
- Việc phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ thì quan trọng để tạo công ăn việc làm cho người lao động vùng ven: yêu cầu đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động ở nông thôn; phát triển các làng nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.
- Nâng cao chất lượng lực lượng lao động thông qua đào tạo chuyên môn, kỹ năng lao động và tác phong công nghiệp và ý thức kỷ luật cho người lao động thì cần thiết để thích ứng bối cảnh đô thị hoá của thành phố.
- Chính quyền địa phương nên có chiến lược và chương trình đào tạo ngắn và dài hạn để nâng cao chất lượng lao động phù hợp với tiến trình đô thị hoá, công nghiệp hoá và chuyên môn hoá cho lao động vùng ven.
- Chương trình đào tạo nghề cho lao động vùng ngoại thành TPCT cần chú tâm các việc như sau:
  - + Nâng cao hệ thống đào tạo nghề, đầu tư cơ sở hạ tầng (cơ sở đào tạo nghề, máy móc thiết bị, trường học,...), đội ngũ giáo viên, lĩnh vực đào tạo, chương trình và nội dung đào tạo phù hợp, để nâng cao năng lực của người lao động, nâng cao chất lượng lao động.
  - + Sở Lao động Thương binh - Xã hội, Trung tâm Xúc tiến Giới thiệu Việc làm, nên đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, đặc biệt là những lao động đã được qua huấn luyện đào tạo phải có việc làm phù hợp với ngành nghề của họ.
  - + Tổ chức hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp III, cho các bậc cha mẹ về vấn đề học vấn của con em của họ cũng như định hướng việc làm trong tương lai để giúp người lao động định hướng bước đầu về việc làm. Qua đó



các cơ quan đào tạo lao động sẽ có hướng đi thích hợp để nâng cao tay nghề cho cư dân vùng ven thành phố.

- Tạo cơ hội cho người lao động tham gia thị trường lao động
  - + Nhà nước cần có chính sách cho vay vốn, vay ưu đãi với người lao động trong các lĩnh vực sản xuất, phát triển ngành nghề mới, học nghề, đối với đối tượng khó có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp.
  - + Chính quyền nên làm tốt công tác quy hoạch đất đai, phân vùng sản xuất và làm tốt công tác thuỷ lợi để người dân yên tâm sản xuất, tránh tình trạng quy hoạch treo ảnh hưởng đến đầu tư sản xuất.
  - + Thiết lập và củng cố kênh thị trường tiêu thụ nông sản tạo thu nhập ổn định cho người dân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dư Phước Tân (2005), “Các vấn đề kinh tế xã hội đặt ra đối với vùng ven trong quá trình đô thị hoá”, Viện Kinh Tế TP HCM.
- Lê Xuân Bá (2006), “*Các yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam*”, Viện Nghiên Cứu Quản lý Kinh Tế Trung Ương.
- Nguyễn Bảo Vệ (2004), *lao động và sự phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long*, trong “*Những vấn đề xã hội ở ĐBSCL*”. Hội thảo khoa học vì sự phát triển bền vững ĐBSCL. TP Cần Thơ.
- Nguyễn Minh Hoà (1999), *Xã hội học - Những vấn đề cơ bản*. Nhà xuất bản Giáo Dục.
- Nguyễn Ngọc Diễm (2004), *Đô thị hoá và tác động đô thị hoá đến hoạt động sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL*, trong “*Những vấn đề xã hội ở ĐBSCL*”. Hội thảo khoa học vì sự phát triển bền vững ĐBSCL. TP Cần Thơ.
- Nguyễn Văn Sơn (2003), *Đô thị hoá nông thôn Việt Nam: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, trong “*Làm gì cho nông thôn Việt Nam?*”. NXB. Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (VAPEC) và Thời báo Kinh tế Sài Gòn.
- Nguyễn Tấn Nguyên (2005), Niên giám thống kê Quận Ô Môn năm 2005
- Nguyễn Văn Tài (1998), *Di dân tự do Nông thôn – Thành thị ở TP. Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.
- Nguyễn Việt Thái (2005), Niên giám thống kê Quận Cái Răng 2005
- Phạm Thanh Duy (2004), *Di dân nông thôn – đô thị và tác động của nó đến việc cải thiện điều kiện sống của người nông dân đồng bằng sông Cửu Long (khảo sát trường hợp huyện Cần Đước tỉnh Long An)*, trong “*Những vấn đề xã hội ở ĐBSCL*”. Hội thảo khoa học vì sự phát triển bền vững ĐBSCL. TP Cần Thơ.
- Phạm Thành Nghị, Vũ Hoàng Ngân (2004), *Quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội – Hà Nội.
- Tạ Nguyên Hồng (2005), Niên giám thống kê TPCT 2005
- Trần Ngọc Chương (2005), Niên giám thống kê Quận Bình Thủy 2005
- Võ Tòng Xuân, Nguyễn Tri Khiêm và nhóm nghiên cứu (2003); “*Nguồn nhân lực ở ĐBSCL*”, Báo cáo chuyên đề giai đoạn 2 của chương trình MDP.
- Elizabeth Morris and Ole Bruun 2005**, Promoting employment opportunities in rural Mongolia: Past experience and ILO approaches. International Labour Organisation, 2005.
- Green report, 1994**, Báo cáo hàng năm về phát triển kinh tế nông thôn Trung Quốc năm 1993 và xu hướng phát triển năm 1994 (*Annual report on economic development of rural*

*China in 1993 and the development trends in 1994*). Nhà xuất bản Khoa học xã hội Trung Quốc, 1994.

Lee Jaeol và Lim Song-soo, 1999, *Nông nghiệp Hàn Quốc (Agriculture in Korea)*. Viện Kinh tế Nông nghiệp Hàn Quốc, 1999.

Rigg, Jonathon 2004, *Evolving Rural-Urban Relations and Livelihoods*. Center for Southeast Asian Studies, Kyoto University. Kyoto, Japan.